

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề cương phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Hàm Tân thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân tại Tờ trình số 236/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Hàm Tân thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Kèm theo Đề cương nội dung chi tiết).

Điều 2. Căn cứ vào Đề cương được phê duyệt nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân chủ trì, cùng các đơn vị, cơ quan có liên quan theo chức năng và phạm vi trách nhiệm được giao, tổ chức và chỉ đạo việc triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH Hùng (02)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban
Nhân dân tỉnh
Bình Thuận
Ngày ký:
16.12.2020
15:00:52 +07:00

Lê Tuấn Phong

NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG

**Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội,
kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Hàm Tân
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
CỦA HUYỆN HÀM TÂN GIAI ĐOẠN 2010 - 2020**

**1. Đánh giá tình hình phát triển kinh tế – xã hội và chuyển dịch cơ
cấu kinh tế:**

1.1. Tình hình phát triển kinh tế – xã hội.

- Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố và sử dụng không gian phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Đánh giá quy mô, trình độ phát triển của nền kinh tế nói chung, từng ngành và lĩnh vực sản xuất chủ yếu nói riêng.

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội.

- Thu nhập và mức sống dân cư.

- Thực trạng huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn huyện.

1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Cơ cấu kinh tế và xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện.

- Tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ từng ngành.

- Đánh giá mặt chất lượng của chuyển dịch.

2. Thực trạng phát triển các ngành và lĩnh vực:

2.1. Công nghiệp và xây dựng:

a) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

- Phân tích đánh giá vai trò vị trí của ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đối với phát triển kinh tế – xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện.

- Phân tích đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Tổng giá trị sản xuất, số cơ sở sản xuất, số lao động ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (chia theo các nhóm ngành công nghiệp khai thác, chế biến, sản xuất phân phối điện nước).

- Quy mô và hiệu quả sản xuất của một số cơ sở sản xuất công nghiệp chiếm tỷ trọng giá trị lớn.

- Tình hình phát triển các loại ngành nghề tiểu thủ công nghiệp.
- Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

b) Xây dựng:

- Giá trị sản xuất và giá trị gia tăng của ngành xây dựng trong cơ cấu kinh tế huyện.
- Tình hình thực hiện công tác quản lý xây dựng và quản lý kiến trúc
- Năng lực xây dựng trên địa bàn.
- Những vấn đề đặt ra cho ngành xây dựng nói chung và phát triển đô thị nói riêng cần được giải quyết trong thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.2. Các ngành dịch vụ:

a) Thương mại dịch vụ:

- Phân tích đánh giá tình hình phát triển thương mại, dịch vụ: Số cơ sở kinh doanh, số lao động, chất lượng và hiệu quả kinh doanh.
- Mạng lưới cơ sở vật chất thương mại, dịch vụ hiện có, tình hình phát triển và phân bố các chợ, khu trung tâm thương mại trên địa bàn huyện.
- Đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm nông sản, thủy sản. Tính hợp lý và chưa hợp lý về giá cả sản phẩm hàng hóa nông sản, thủy sản trong những năm qua. Những khó khăn cần được giải quyết trong việc tiêu thụ sản phẩm nông sản và thủy sản.
- Vấn đề cung ứng vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ; doanh thu thương mại dịch vụ, khách sạn, nhà hàng.

b) Về xuất khẩu:

- Tổng kim ngạch xuất khẩu (USD) hoặc giá trị hàng hóa xuất khẩu (tỷ đồng).
- Số doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu trực tiếp hoặc ủy thác.
- Khối lượng các loại sản phẩm xuất khẩu chủ yếu trên địa bàn.

c) Du lịch:

- Tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên phát triển du lịch.
- Tình hình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ du lịch.
- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển du lịch.

d) Dịch vụ vận tải:

- Khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa.
- Khối lượng vận chuyển và luân chuyển hành khách.
- Đánh giá số lượng và chất lượng phương tiện vận chuyển.

e) Dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin:

- Tổng số bưu cục (trong đó bưu điện văn hóa xã), số đại lý bưu điện.
- Tổng số máy điện thoại, tổng số thuê bao Internet trên địa bàn huyện.
- Chất lượng hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.
- Doanh thu bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin qua các năm.
- Tác động của bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin đối với phát triển kinh tế - xã hội.

f) Các lĩnh vực dịch vụ khác, trong đó coi trọng đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ chuyển giao công nghệ:

2.3. Nông, lâm nghiệp, thủy hải sản và xây dựng nông thôn mới:

a) Nông nghiệp:

- Đánh giá vị trí vai trò ngành nông nghiệp trong nền kinh tế của huyện.
- Phân tích, đánh giá quy mô sản xuất và cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp.
- Tình hình sử dụng đất nông nghiệp, xu thế chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hiệu quả sử dụng đất đai.

- Diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng chủ yếu.

- Quy mô, cơ cấu đàn gia súc gia cầm, sản phẩm chăn nuôi.

- Tình hình ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp

- Những thành công và tồn tại chính trong ngành nông nghiệp.

b) Lâm nghiệp:

- Đánh giá tầm quan trọng của rừng và các loài động vật, thực vật trong rừng.

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng hiện có và trồng rừng mới.

- Kết quả thực hiện phong trào trồng cây phân tán.

- Đánh giá độ che phủ của rừng và cây lâu năm.

c) Thủy, hải sản:

- Khai thác hải sản.

- Nuôi trồng thủy sản.

d) Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới:

2.4. Tài chính, tín dụng.

2.5. Giáo dục và đào tạo.

2.6. Y tế và chăm sóc sức khỏe.

2.7. Văn hóa, thể dục thể thao.

2.8. An ninh quốc phòng.

2.9. Công tác quản lý và bảo vệ môi trường.

3. Đánh giá thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng:

- 3.1. Giao thông.
- 3.2. Hệ thống thủy lợi.
- 3.3. Phát triển lưới điện.
- 3.4. Cấp nước sạch, thoát nước.
- 3.5. Hạ tầng thông tin, truyền thông.

4. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (phân tích SWOT)

- Điểm mạnh.
- Điểm yếu.
- Cơ hội.
- Thách thức.

II. BÁO CÁO ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀM TÂN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050, ĐỂ TÍCH HỢP VÀO QUY HOẠCH TỈNH

1. Bối cảnh và dự báo xu hướng phát triển:

- Phân tích, đánh giá bối cảnh phát triển kinh tế của tỉnh, vùng và cả nước tác động tới sự phát triển kinh tế - xã hội huyện Hàm Tân.
- Phân tích, dự báo những thời cơ, thách thức đối với phát triển kinh tế - xã hội huyện Hàm Tân trong thời kỳ quy hoạch.
- Dự báo xu thế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận, vùng và cả nước, khu vực và thế giới.
- Xác định nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hàm Tân trong tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh, xác định rõ vai trò động lực phát triển công nghiệp, cảng biển, năng lượng, đặc biệt năng lượng tái tạo,... của tỉnh Bình Thuận.

2. Quan điểm, mục tiêu phát triển:

2.1. Quan điểm phát triển:

- Phát triển kinh tế đạt nhịp độ tăng trưởng cao, hiệu quả và bền vững. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ.
- Phát huy cao nhất các nguồn nội lực, tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài.
- Khai thác, sử dụng hợp lý tiềm năng tài nguyên thiên nhiên. Phát triển đa dạng các ngành sản xuất: nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ.
- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút các dự án đầu tư.

- Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.
- Tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, tích cực phòng chống tội phạm, ma túy.

2.2. Mục tiêu phát triển.

2.2.1. Mục tiêu tổng quát:

- Mục tiêu về phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Mục tiêu về phát triển xã hội và giải quyết những vấn đề tồn tại xã hội
- Mục tiêu về quốc phòng, an ninh.
- Mục tiêu về bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội:

- Nhóm chỉ tiêu kinh tế.
- Nhóm chỉ tiêu xã hội.
- Nhóm chỉ tiêu môi trường đến năm 2025; 2030 và 2050.

2.3. Xây dựng các phương án phát triển và lựa chọn phương án.

3. Phát triển các ngành và lĩnh vực:

- Đề xuất phương án sử dụng đất.
- Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy, hải sản.
- Công nghiệp và xây dựng.
- Các ngành dịch vụ.
- Phát triển dân số, lao động.
- Giáo dục và đào tạo.
- Y tế và chăm sóc sức khỏe.
- Văn hoá, thể dục thể thao.
- Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.
- An ninh quốc phòng.

4. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng:

- Giao thông.
- Hệ thống thủy lợi.
- Phát triển nguồn và lưới điện.
- Cấp, thoát nước.
- Thu gom và xử lý rác thải.
- Xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin, truyền thông.
- Xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội.

5. Phát triển theo lãnh thổ:

5.1. Phát triển các tiểu vùng kinh tế – xã hội: Nêu những đặc điểm chủ yếu về điều kiện tự nhiên của từng tiểu vùng. Phương hướng phát triển sản xuất của các tiểu vùng. Trong đó xây dựng tiểu vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao.

5.2. Xây dựng kết cấu hạ tầng khu trung tâm các tiểu vùng. Phát triển và phân bố các công trình kết cấu hạ tầng chủ yếu trong từng tiểu vùng.

5.3. Phát triển và phân bố cụm công nghiệp, trung tâm thương mại, khu văn hóa thể dục thể thao, khu du lịch.

5.4. Tổ chức lãnh thổ phát triển các khu dân cư đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn.

6. Tổng hợp danh mục các dự án đầu tư trên địa bàn, xếp theo thứ tự ưu tiên.

7. Các nhóm giải pháp chủ yếu và tổ chức thực hiện:

7.1. Các nhóm giải pháp chủ yếu:

- Dự báo nhu cầu vốn đầu tư, các giải pháp huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.

- Coi trọng phát triển và sử dụng hợp lý nguồn nhân lực.

- Giải pháp về tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ, xử lý những diễn biến xấu về môi trường và dịch bệnh; ứng dụng khoa học và công nghệ vào việc xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp trình độ thâm canh cao.

- Giải pháp về triển khai thực hiện tốt các cơ chế chính sách, liên kết phát triển.

- Giải pháp về mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ yếu.

- Giải pháp về phòng chống thiên tai, ứng phó kịp thời với những diễn biến xấu, do biến đổi khí hậu đang có xu hướng gia tăng các yếu tố bất lợi.

- Giải pháp về tăng cường năng lực bộ máy nhà nước.

7.2. Tổ chức thực hiện nội dung đề xuất và giám sát quá trình thực hiện.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ./.